

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TY-TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST

Ngày 13-01-2023

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TY, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Duy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phương

Bà Bò Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiền – Thư ký Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TY tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 155/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Ph, sinh năm 1979.

“Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt”

Trú tại: Thôn 6A, xã V, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn T, sinh năm 1977 “Vắng mặt”

Trú tại: Thôn 6A, xã V, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17-10-2022, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Thị Ph trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V1G, huyện TY, tỉnh Yên Bái vào ngày 13-11-2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại thôn 6A, xã V, huyện TY, tỉnh Yên Bái. Tình cảm vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Phạm

Văn T không quan tâm đến vợ con, thường xuyên say rượu rồi về mắng chửi vợ con, đập phá đồ đạc trong nhà. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã được hai bên gia đình và bạn bè khuyên bảo, hòa giải nhưng không thành, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án nhân dân huyện TY giải quyết cho bà được ly hôn ông Phạm Văn T.

Về con chung: Bà và ông Phạm Văn T có một con chung là Phạm Tiến C, sinh ngày 22-3-2002, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phụng đề nghị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Văn T đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Tuấn không đến Toà án, không có bản tự khai, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, quyền và lợi ích của đương sự được đảm bảo. Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Ph được ly hôn ông Phạm Văn T.
- Về con chung: Có một con chung là Phạm Tiến C, sinh ngày 22-3-2002, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.
- Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.
- Về án phí và quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện TY nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng :

Ông Phạm Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 6A, xã V, huyện TY, tỉnh Yên Bái nên yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị Ph thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn bà Phụng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Tuấn đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Toà án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Trương Thị Ph và ông Phạm Văn T có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã Vân Hội, huyện TY, tỉnh Yên Bái vào ngày 13-11-2001 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại thôn 6A, xã V, huyện TY, tỉnh Yên Bái. Theo bà Phụng, tình cảm vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Phạm Văn T không quan tâm đến gia đình, thường xuyên say rượu rồi về mắng chửi vợ con, đập phá đồ đạc trong nhà và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Ông Tuấn đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Toà án để hoà giải. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Phụng và ông Tuấn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó có căn cứ để bà Phụng được ly hôn ông Tuấn theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Bà Trương Thị Ph và ông Phạm Văn T có một con chung là Phạm Tiến C, sinh ngày 22-3-2002, đã trưởng thành, bà Phụng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản và nợ chung*: Bà Trương Thị Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Bà Trương Thị Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TY là có căn cứ nên cần được chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Ph được ly hôn ông Phạm Văn T.

2. Về án phí: Bà Trương Thị Ph phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng tại Biên lai số AA/2021/0001996 ngày 27-10-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TY. Xác nhận bà Trương Thị Ph đã nộp đủ.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện TY;
- Chi cục THADS huyện TY;
- UBND xã V1;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phú Duy